

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TƯ NGHĨA
TỈNH QUẢNG NGÃI

Bản án số: 14/2024/HNGĐ-ST

Ngày 16-7-2024

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con chung

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TƯ NGHĨA - TỈNH QUẢNG NGÃI
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hậu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hồng Tiên; Bà Lê Thị Ngọc Lâm.

Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Thanh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

Ngày 16 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh
Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số
75/2024/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2024/QĐXX-ST, ngày
01 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà [Lê Thị Kim H](#), sinh năm 1994.

Trú tại: [Ấp P, xã P, huyện A, tỉnh An Giang](#).

Bị đơn: Ông [Phạm Đ](#), sinh năm 1992.

Trú tại: [Thôn Đ, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi](#). (Nguyên đơn và bị đơn
đều có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện, văn bản trình bày ý kiến nguyên đơn bà [Lê Thị Kim H](#)
trình bày:*

Bà [Lê Thị Kim H](#) và ông [Phạm Đ](#) kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại
[Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi](#) vào năm 2016. Sau khi kết hôn
vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân
mâu thuẫn do vợ chồng không hòa hợp trong cuộc sống, thường xuyên cãi vã,
không tin tưởng nhau, bà [Lê Thị Kim H](#) về quê tại [Ấp P, xã P, huyện A, tỉnh An
Giang](#) sinh sống từ tháng 4/2019 đến nay. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn,
mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly
hôn ông [Phạm Đ](#).

Về con chung: Có 01 con tên [Phạm Lê Minh H](#), sinh ngày 09/11/2017 hiện nay đang ở cùng bà tại [Ấp P, xã P, huyện A, tỉnh An Giang](#). Ly hôn bà yêu cầu nhận nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con và không yêu cầu ông [Đ](#) cấp dưỡng cho con.

Tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tại văn bản ghi ý kiến và đơn xin vắng mặt ngày 22/3/2024, bị đơn ông [Phạm Đ](#) trình bày như sau;

Ông và bà [Lê Thị Kim H](#) kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại [UBND xã N, huyện T](#) vào năm 2016. Vợ chồng sinh sống, làm ăn ổn định tại [xã N, huyện T](#) và không mâu thuẫn gì, đến khi sinh con được 18 tháng tuổi thì vợ dẫn con về quê sinh sống và ở luôn đến nay. Ông mong vợ chồng đoàn tụ chung sống, làm ăn nuôi dạy con cái. Trường hợp bà [Lê Thị Kim H](#) cương quyết ly hôn thì ông đồng ý.

Về con chung: Có 01 con tên [Phạm Lê Minh H](#), sinh ngày 09/11/2017 hiện nay đang ở cùng bà [Lê Thị Kim H](#) tại [xã P, huyện A, tỉnh An Giang](#). Ông đồng ý giao con chung cho bà [Lê Thị Kim H](#) nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con; ông không cấp dưỡng cho con.

Tài sản chung và nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các bên đương sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà [Lê Thị Kim H](#) và ông [Phạm Đ](#) kết hôn vào năm 2016 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại [Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi](#) là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận.

Quá trình chung sống do vợ chồng bất đồng quan điểm nên dẫn đến mâu thuẫn, vợ chồng không còn sống chung từ tháng 4/2019 đến nay, điều đó chứng tỏ quan hệ hôn nhân giữa vợ chồng đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay bà [Lê Thị Kim H](#) yêu cầu ly hôn ông [Phạm Đ](#) là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có 01 con tên [Phạm Lê Minh H](#), sinh ngày 09/11/2017, hiện đang sinh sống cùng bà [Lê Thị Kim H](#). Xét ý kiến của nguyên

đơn bà [Lê Thị Kim H](#) yêu cầu nhận nuôi con chung mà không yêu cầu ông [Đ](#) cấp dưỡng cho con cũng phù hợp với ý kiến của ông [Phạm Đ](#) nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Tài sản chung và nợ chung: Không có, Tòa án không giải quyết.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 21, 28, 39, 147, Điều 235, Điều 238, 266, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ khoản 1 Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 và Điều 118 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà [Lê Thị Kim H](#) được ly hôn ông [Phạm Đ](#).

2. Về con chung: Giao con tên [Phạm Lê Minh H](#), sinh ngày 09/11/2017 cho bà [Lê Thị Kim H](#) trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; ông [Phạm Đ](#) không cấp dưỡng cho con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được quyền cản trở.

Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Tài sản chung và nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Bà [Lê Thị Kim H](#) phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0001925, ngày 04 tháng 3 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Tư Nghĩa;
- Chi cục THADS huyện Tư Nghĩa;
- UBND xã Nghĩa Điền;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Hậu